

Số: /SNNMT-CCBVM

Bình Định, ngày tháng 3 năm 2025

V/v thông báo một số Thông tư quy
chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các cơ sở sản xuất – kinh doanh – dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

Vừa qua, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) ban hành một số Thông tư về ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông tin đến Quý Cơ quan, đơn vị địa phương để biết và triển khai áp dụng, cụ thể:

1. Danh mục thông tư được ban hành

- Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30/12/2024 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 19:2024/BTNMT, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025. Trong đó, QCVN 19:2024/BTNMT là quy chuẩn khí thải chung cho nhiều lĩnh vực (các chất vô cơ, chất hữu cơ, các lò đốt rác - y tế - công nghiệp, nhiệt điện, xi măng, lọc hoá dầu, thép...) thay cho 07 quy chuẩn về khí thải công nghiệp¹ và các Bảng quy định giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải của 05 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia².

- Thông tư số 02/2025/TT-BTNMT ngày 12/02/2025 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu,

¹ QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ; QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học; QCVN 22:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện; QCVN 23:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất xi măng; QCVN 34:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp lọc hóa dầu đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 51:2017/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất thép.

² Bảng 1 và Bảng 4 QCVN 41:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đồng xử lý chất thải nguy hại trong lò nung xi măng; Bảng 2 QCVN 02:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế; Bảng 2 QCVN 30:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp; Bảng 4 QCVN 56:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tái chế dầu thải; Bảng 2 QCVN 61-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn sinh hoạt.

tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người. *Thông tư có hiệu lực từ ngày 13/8/2025.*

- Thông tư số 04/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi QCVN 62:2025/BTNMT, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2025. QCVN 62:2025/BTNMT thay thế QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

- Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung QCVN 14:2025/BTNMT, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2025. QCVN 14:2025/BTNMT thay thế QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2025/BTNMT, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2025. QCVN 40:2025/BTNMT thay thế QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp và nước thải của nhiều lĩnh vực (chôn lấp chất thải rắn, nước thải y tế, chế biến thủy sản dệt nhuộm chế biến tinh bột sắn,...)³.

2. Một số nội dung cần lưu ý khi áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường mới được ban hành:

- Giới hạn cho phép của nồng độ các thông số ô nhiễm nước thải, khí thải sau xử lý khắt khe và thấp hơn nhiều lần so với các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đã được ban hành áp dụng trước đây.

- Cột A, Cột B, Cột C trong các bảng của QCVN 19:2024/BTNMT, QCVN 62:2025/BTNMT, QCVN 14:2025/BTNMT, QCVN 40:2025/BTNMT được quy định theo phân vùng môi trường của địa phương. Trong thời gian chờ UBND tỉnh ban hành, tỉnh Bình Định áp dụng cột B quy định tại Bảng 1 và Bảng 2 của các quy chuẩn này.

³ QCVN 01-MT : 2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sơ chế cao su thiên nhiên; QCVN 12-MT : 2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy; QCVN 13-MT : 2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm; QCVN 60-MT: 2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sản xuất cồn nhiên liệu; QCVN 11-MT: 2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản; QCVN 63:2017/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến tinh bột sắn; QCVN 25:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của bãi chôn lấp chất thải rắn; QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu; QCVN 52:2017/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp sản xuất thép.

- Nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi từ dự án đầu tư, cơ sở kinh doanh, dịch vụ được nhập cùng nước thải công nghiệp thì được quản lý như nước thải công nghiệp; trường hợp nước thải sinh hoạt nếu được thu gom, xử lý riêng với nước thải công nghiệp thì được quản lý theo QCVN 14:2025/BTNMT. Nước thải phát sinh từ dự án đầu tư, cơ sở kinh doanh, dịch vụ quy định tại Phụ lục 1 QCVN 14:2025/BTNMT được quản lý như nước thải sinh hoạt.

- Đối với các cơ sở đã đi vào vận hành, dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường *hoặc đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ* đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường *trước ngày 01/7/2025 đối với khí thải, trước ngày 01/9/2025 đối với nước thải sẽ có giai đoạn chuyển tiếp hơn 6 năm* để các cơ sở có thời gian chuẩn bị đầu tư/điều chỉnh công nghệ sản xuất hoặc xây dựng/cải tạo hệ thống xử lý. Trong thời gian chuyển tiếp các cơ sở/dự án sẽ tiếp tục áp dụng quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia về nước thải, khí thải trước đây cho đến hết ngày 31/12/2031.

- Các dự án đầu tư, cơ sở chăn nuôi trang trại phải có biện pháp xử lý nước thải đảm bảo giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm được quy định tại Bảng 1 - QCVN 62:2025/BTNMT; các dự án đầu tư, cơ sở chăn nuôi nông hộ được lựa chọn xử lý nước thải đáp ứng giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm được quy định tại Bảng 1 - QCVN 62:2025/BTNMT hoặc lựa chọn biện pháp xử lý là thiết bị, công trình khí sinh học (hầm biogas) hoặc bể ủ, bể lắng (tổng dung tích hiệu dung đảm bảo không nhỏ hơn 1.5 m³ trên một (01) đơn vị vật nuôi và đảm bảo chống thấm, chống rò rỉ nước thải vào môi trường đất). Nước thải sinh hoạt khi nhập dòng cùng nước thải chăn nuôi thì được quản lý như nước thải chăn nuôi.

- QCVN 01:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người, có hiệu lực thi hành từ ngày 13/8/2025, là công cụ để các cơ quan có thẩm quyền xem xét, áp dụng khi chấp thuận địa điểm nghiên cứu lập quy hoạch hoặc giới thiệu vị trí thực hiện án đầu tư hoặc khi chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư các dự án có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người; Quy chuẩn này tập trung xác định giá trị khoảng cách an toàn môi trường của khu tiếp nhận, chôn lấp, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp, chất thải nguy hại và Nhà máy/trạm xử lý nước thải, công trình xử

lý bền vững đến công trình hiện hữu và hợp pháp của khu dân cư (bao gồm: nhà ở riêng lẻ, nhà chung cư, công trình giáo dục, y tế, văn hóa xã hội, thể thao, du lịch và các công trình công cộng có tập trung dân cư khác); Quy chuẩn này không áp dụng đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng nằm trong các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và khu xử lý chất thải tập trung.

Kính đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp phổ biến các quy định của các Thông tư nêu trên đến UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ sở sản xuất – kinh doanh – dịch vụ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố biết, thực hiện. Đồng thời, yêu cầu các cơ sở sản xuất – kinh doanh – dịch vụ có phát sinh nước thải, khí thải căn cứ thực tế hoạt động của cơ sở để lựa chọn phương án và lộ trình đầu tư phù hợp, tiết kiệm chi phí nhất cho đơn vị.

(Đính kèm là các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Sở Nông nghiệp và Môi trường thông tin đến các Quý đơn vị, địa phương để nghiên cứu, áp dụng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD và các PGD Sở;
- Lưu: VT, CCBVMT, TT. (420).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hà Thị Thanh Hương